SỞ GIÁO DỤC& ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THPT SỐ 2 ĐỨC PHỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 653 /QĐ-ĐP2

Khánh Cường, ngày 02 tháng 11 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thực hiện quyết toán năm 2025

của Trường THPT số 2 Đức Phổ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT SỐ 2 ĐỨC PHỔ

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông báo số 1611/TB – SGD ĐT ngày 30/10/2026 về việc xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2025 ;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ của Trường THPT số 2 Đức Phổ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện quyết toán ngân sách năm 2025 của Trường THPT số 2 Đức Phổ(*theo biểu số 76 đính kèm*).

Điều 2. Thời gian và địa điểm công khai

- Thời gian công khai: 15 ngày, kể từ ngày ký.
- Địa điểm: Niêm yết tại bảng tin của phòng hội đồng; trang web của trường THPT số 2 Đức Phổ.

Điều 3. Bộ phận tài vụ và các đơn vị liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Sở GD&ĐT;
-Website của đơn vị;
- Lưu VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT SỐ 2 ĐỨC PHỔ

Thạch Cảnh Bê

Đơn vị: Trường THPT số 2 Đức Phổ *Mẫu biểu số 76*

Chương:422

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 653/QĐ-ĐP2 ngày 02/11/2026 của Trường THPT số 2 Đức Phổ)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	**Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**	**982.562.500**	**982.562.500**		**982.562.500**
1	Lệ phí				
2	Phí	982.562.500	982.562.500		982.562.500
	Căng tin	75.000.000	75.000.000		75.000.000
	Học phí	907.562.500	907.562.500		907.562.500
II	**Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại**	**277.765.000**	**277.765.000**		**277.765.000**
1	***Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo***	277.765.000	277.765.000		277.765.000
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	277.765.000	277.765.000		277.765.000
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	***Chi quản lý hành chính***				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				

b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**				
1	***Lệ phí***				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí...				
	Phí...				
B	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**	**17.490.623.500**	**17.490.623.500**		**17.490.623.500**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**17.490.623.500**	**17.490.623.500**		**17.490.623.500**
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**17.490.623.500**	**17.490.623.500**		**17.490.623.500**
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	15.877.200.000	15.877.200.000		15.877.200.000
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.613.423.500	1.613.423.500		1.613.423.500
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				

8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	**Nguồn vốn viện trợ**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				

4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**				
1	**Chi quản lý hành chính**				

1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				

8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Ngày 02 tháng 11 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT SỐ 2 ĐỨC PHỔ

Thạch Cảnh Bê